

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11 & 11 THÁNG NĂM 2018

## Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 11 tháng đầu năm 2018

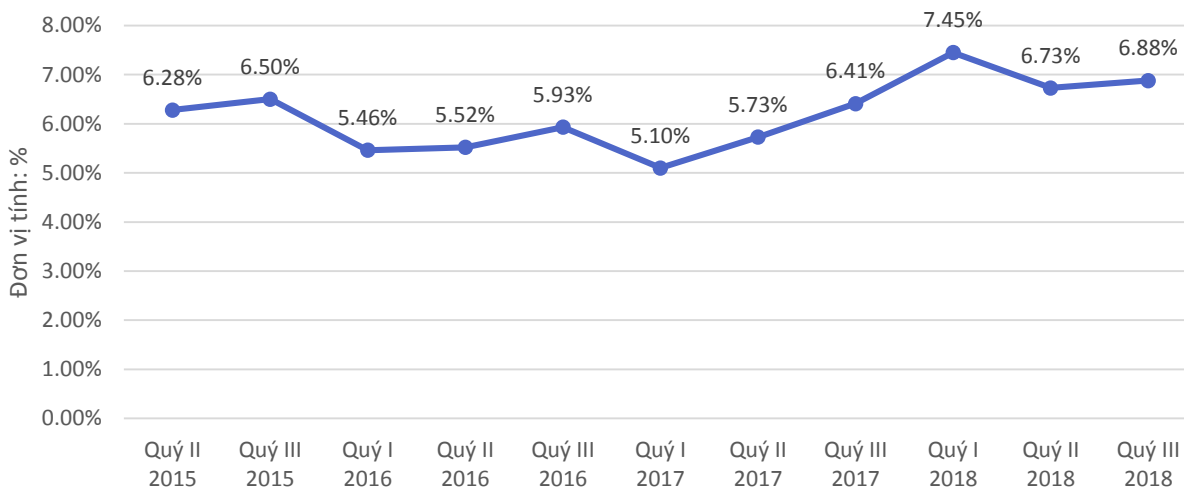
### 1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III năm 2018 ước tính tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của quý II, cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được đà tăng trưởng. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,46%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,61% và khu vực dịch vụ tăng 6,87%. Tăng trưởng quý III/2018 thấp hơn tốc độ tăng trưởng quý III/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý III các năm 2011-2016. Xét về góc độ sử dụng GDP quý III năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,61%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,13%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,76%.

Tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Kết quả tăng trưởng khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2018. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng 9 tháng năm nay cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, từng bước khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, mặt khác giá bán sản phẩm ổn định cùng với thị trường xuất khẩu được mở rộng là động lực chính thúc đẩy sản xuất của khu vực này.

**% GDP hàng quý**

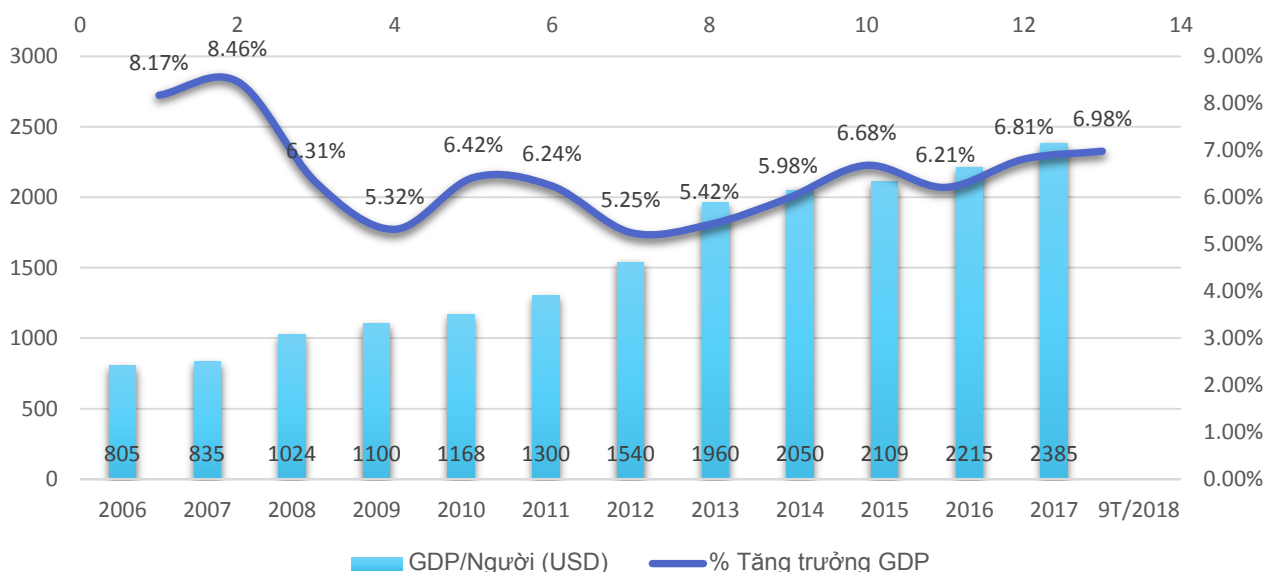


Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá với 9 tháng tăng 8,98%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng kinh tế với mức tăng cao 12,65%. Khu vực dịch vụ 9 tháng năm nay tăng 6,89%, tuy thấp hơn mức tăng 7,21% của 9 tháng năm trước nhưng cao hơn so với cùng kỳ giai đoạn 2012-2016.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,93% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,49%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 14,67%; 32,50%; 42,65%; 10,18%).

Xét về góc độ sử dụng GDP 9 tháng năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2017; tích lũy tài sản tăng 7,71%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,52%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,22%.

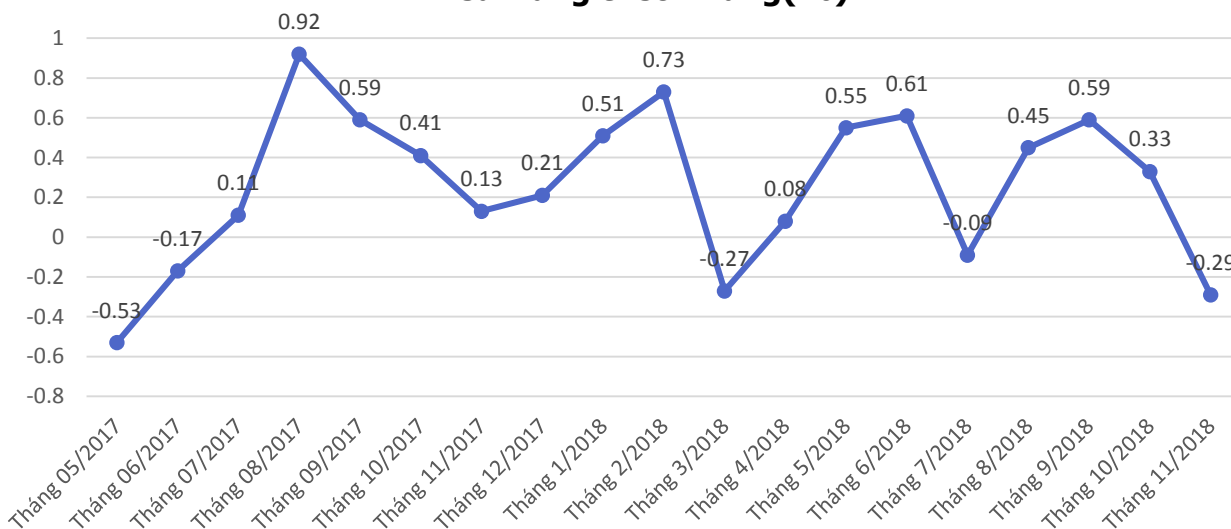
## Tăng trưởng GDP và GDP/người



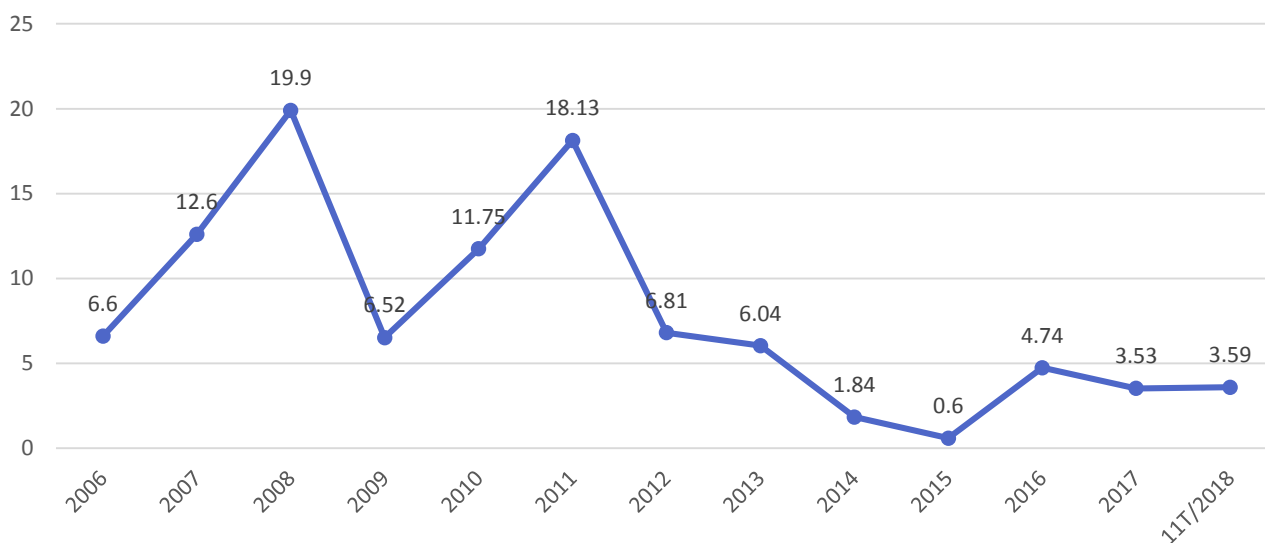
## 2. Lạm phát, CPI.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2018 giảm 0,29% so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông giảm nhiều nhất với 1,81% do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 6/11/2018 và 21/11/2018 làm giá xăng, dầu giảm 4,1% (tác động CPI chung giảm 0,17%). Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,64% chủ yếu do giá gas giảm 9,18%, giá điện sinh hoạt giảm 0,64% và giá dầu hỏa giảm 0,97%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,14%, trong đó lương thực tăng 0,27% do giá gạo tăng 0,25%; thực phẩm giảm 0,3%. Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,06%.

## Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)



## % CPI theo Năm



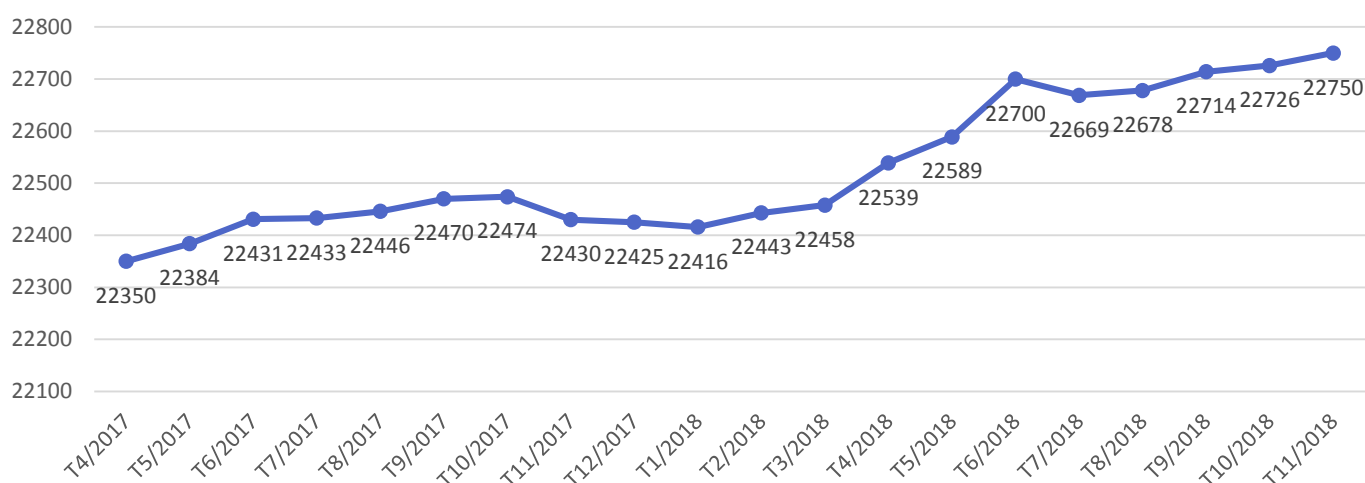
CPI bình quân 11 tháng năm 2018 tăng 3,59% so với bình quân cùng kỳ năm 2017; CPI tháng 11/2018 tăng 3,24% so với tháng 12/2017 và tăng 3,46% so với cùng kỳ năm 2017.

Lạm phát cơ bản tháng 11/2018 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,72% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng năm 2018 tăng 1,46% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

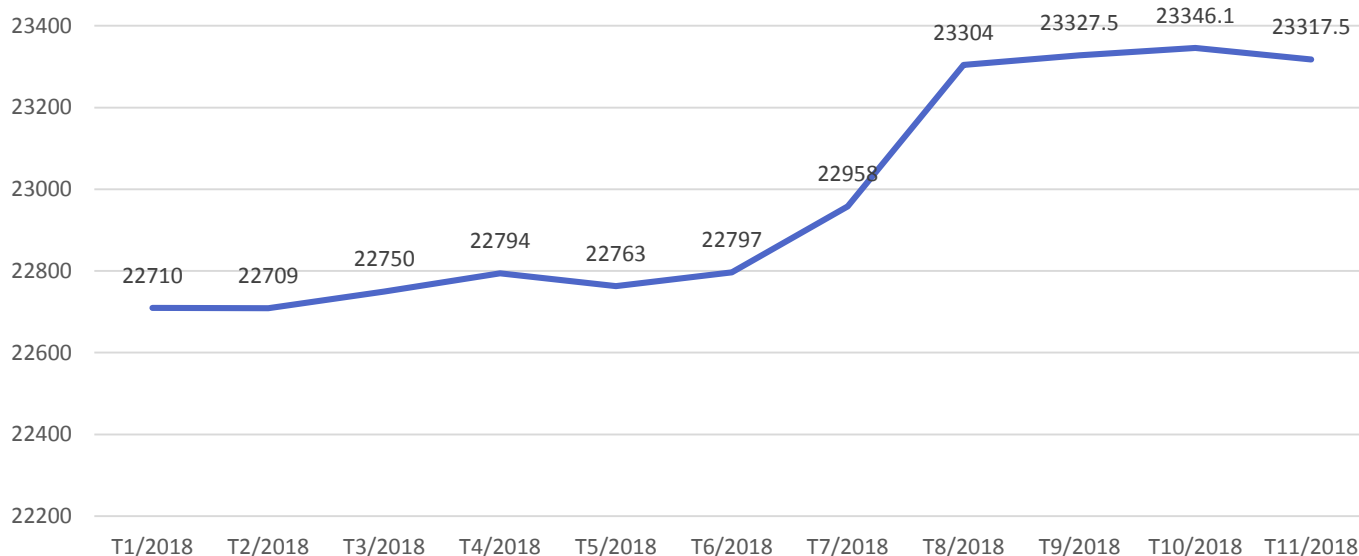
### 3. Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá.

Tỷ giá trung tâm ngày 30/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.750 đồng, tăng nhẹ 24 đồng so với cuối tháng trước. Mặc dù tiếp tục tăng, song biên độ biến động trong 2 tháng gần đây đã ổn định đáng kể so với khoảng thời gian 3 tháng trước đó.

## Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND



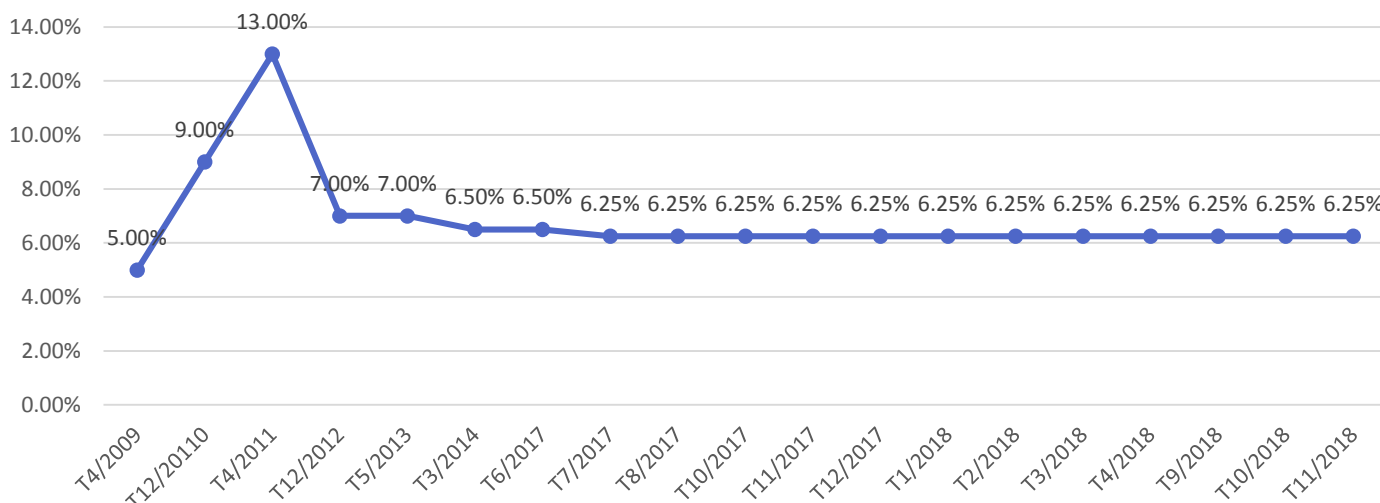
## Tỷ giá giao dịch thực tế trong năm USD/VND



Tương tự tỷ giá giao dịch thực tế trên thị trường cũng rất ổn định, thậm chí còn có giảm nhẹ so tháng trước. Cụ thể tỷ giá giao dịch trên thị trường ngày 30/11/2018 ở mức 23.317,5 VND/USD, giảm nhẹ 0,12% so với tháng trước, trái ngược với mức tăng 0,11% của tỷ giá trung tâm do ngân hàng nhà nước công bố.

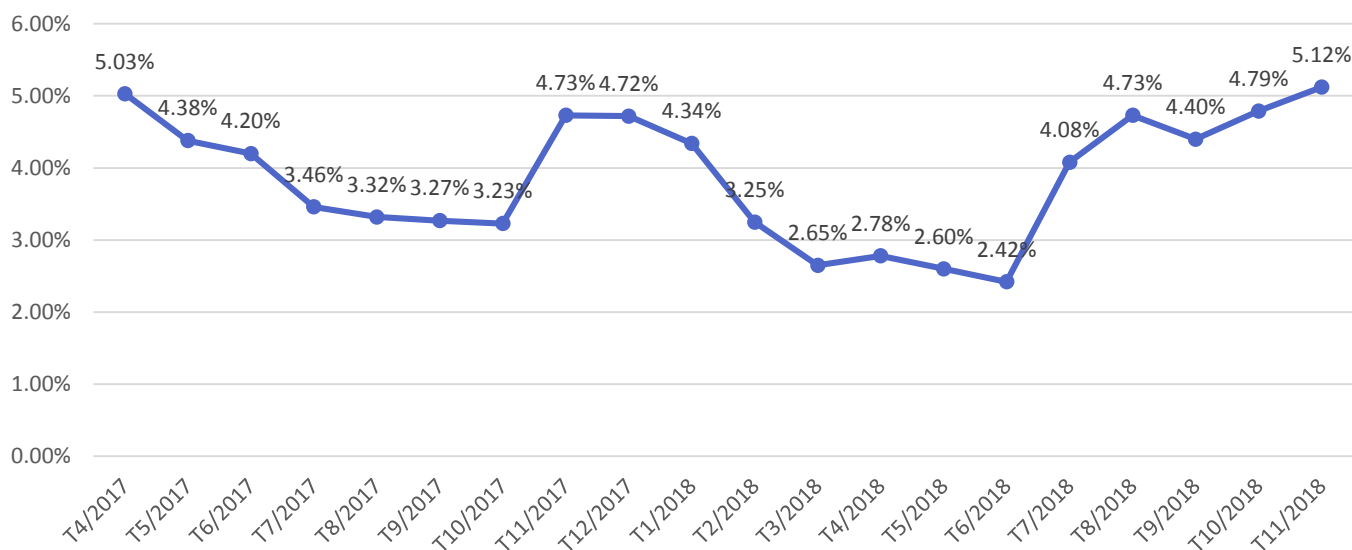
Lãi suất huy động VND tiếp tục có tháng thứ 2 tăng liên tiếp, không chỉ trực tiếp tăng lãi suất trên biểu lãi suất tiết kiệm, các ngân hàng còn tung nhiều khuyến mại, hay cộng lãi suất theo chương trình với một số trường hợp cụ thể để thu hút vốn. Tuy đua nhau tăng lãi suất nhưng mức độ điều chỉnh khá khác nhau dẫn tới chênh lệch lãi suất huy động trên thị trường giữa các nhà băng khá lớn. Cùng ở các kỳ hạn dài, lãi suất chênh nhau có lúc lên đến 1%/năm đến 1,5%/năm. Như cùng là nhóm ngân hàng tư nhân lớn, MB huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 36 tháng với lãi suất 7% thì ở VPBank lên tới 8%; còn so với ngân hàng nhỏ còn thấp hơn nhiều, như VietCapitalBank đang huy động với lãi suất cao nhất lên tới 8,6%/năm.

## Lãi Suất Tái Cấp Vốn



Lãi suất tái cấp vốn: Sau đợt giảm cập lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn hồi tháng 7 năm ngoái, NHNN Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ thay đổi nào đối với lãi suất điều hành, tiếp tục giữ nguyên ở mức 6,25% trong tháng 11 vừa qua.

## Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Song song với việc các ngân hàng tăng lãi suất huy động thì diễn biến trên thị trường liên ngân hàng cũng cho thấy độ nóng khi lãi suất các kỳ hạn tăng mạnh và tạo mặt bằng mới quanh ngưỡng 5%, và hiện tại đang đạt mức 5,12% trong kỳ hạn 3 tháng, mức cao nhất trong năm. Hai thước đo chính gồm lãi suất vay qua đêm và lãi suất kỳ hạn 3 tháng của tiền đồng liên tục tăng kể từ quý 2 và đang ở mức 4,6% và 5,12% tương ứng. Lãi suất vay qua đêm USD đang ở quanh mức 2,3%/năm. Tất cả những điều này đều cho thấy sức ép rất lớn trên thị trường liên ngân hàng. Trong khi quy định về vốn ngắn hạn sắp đi vào hiệu lực trong năm 2019, nhu cầu tín dụng cuối năm cũng tạo sức ép đẩy lãi suất tăng cao.

## 4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

### Nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông trên cả nước và gieo trồng cây màu vụ đông tại các địa phương phía Bắc. Tính đến trung tuần tháng Mười Một, cả nước đã thu hoạch được 1.469,7 nghìn ha lúa mùa, chiếm 87,3% diện tích gieo cấy và bằng 98,1% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc thu hoạch 1.085,5 nghìn ha, chiếm 98,3% và bằng 96,9%; các địa phương phía Nam thu hoạch 384,2 nghìn ha, chiếm 66,3% và bằng 101,7%.

Tính đến ngày 15/11/2018, cả nước gieo trồng được 100,3 nghìn ha ngô, bằng 101,8% cùng kỳ năm trước; 21,2 nghìn ha khoai lang, bằng 98,6%; 4,7 nghìn ha đậu tương, bằng 102,2%; 4,9 nghìn ha lạc, bằng 96,1%; 144,6 nghìn ha rau đậu, bằng 105,9%. Thời tiết thuận lợi, sâu bệnh ít xuất hiện nên các cây vụ đông đang trong giai đoạn sinh trưởng và phát triển tốt.

Chăn nuôi gia súc và gia cầm nhìn chung ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu cả nước trong tháng ước tính giảm 1% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò tăng 2,2%; đàn lợn tăng 2,8%; đàn gia cầm tăng 5,8%.

### Lâm Nghiệp:

Trong tháng Mười Một, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 26,1 nghìn ha, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 8,1 triệu cây, giảm 1,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1,2 triệu m<sup>3</sup>, tăng 9,8%; sản lượng củi khai thác đạt 1,6 triệu ste, tương đương cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, cả nước có 34,5 ha rừng bị thiệt hại, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 31,9 ha. Tính chung 11 tháng năm nay, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.270,4 ha, giảm 16,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 741,1 ha, tăng 43,3%; diện tích rừng bị chặt, phá là 529,3 ha, giảm 47,7%.

## Thủy sản:

Trong tháng Mười Một, sản lượng thủy sản cả nước ước tính đạt 684,4 nghìn tấn, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 510,3 nghìn tấn, tăng 9,6%; tôm đạt 80,5 nghìn tấn, tăng 2,9%.

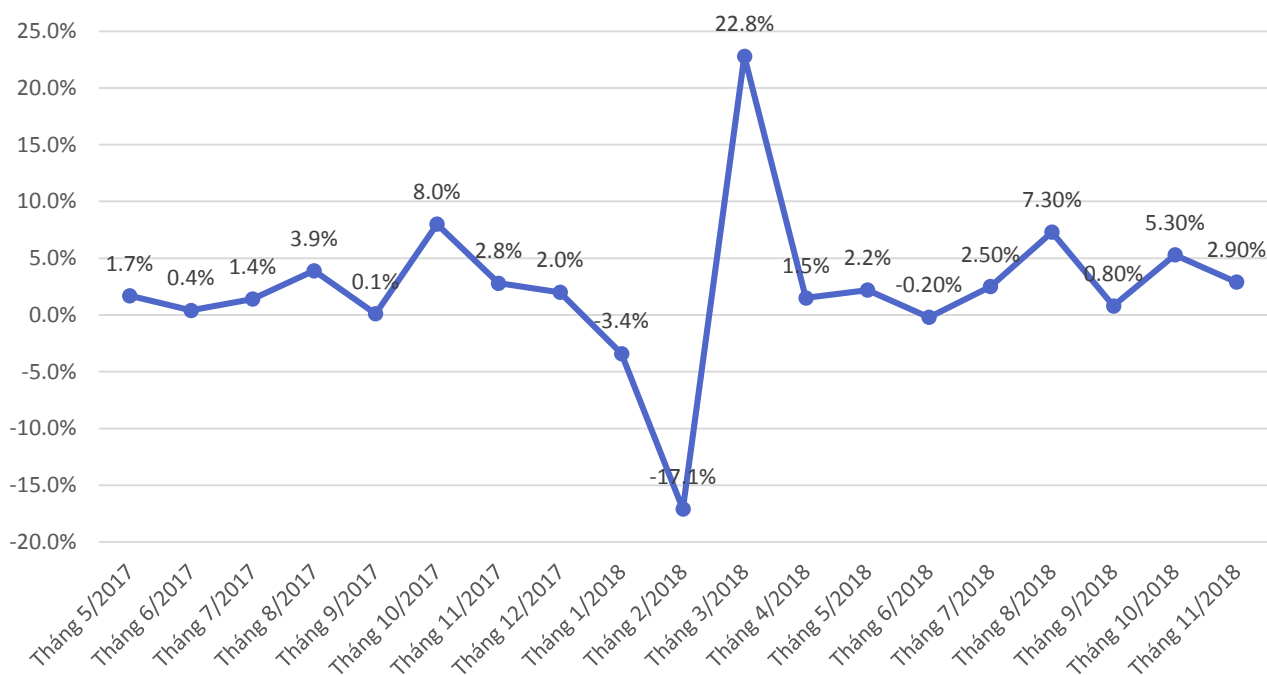
Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 393,6 nghìn tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước do diện tích cho thu hoạch tăng mạnh, trong đó cá đạt 285,2 nghìn tấn, tăng 12,5%; tôm đạt 69,4 nghìn tấn, tăng 3,1%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng Mười Một ước tính đạt 290,8 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 225,1 nghìn tấn, tăng 6%; tôm đạt 11,1 nghìn tấn, tăng 1,8%. Riêng sản lượng khai thác biển ước tính đạt 270,8 nghìn tấn, tăng 5,3%, trong đó cá đạt 211 nghìn tấn, tăng 6,5%; tôm đạt 10 nghìn tấn, tăng 2%.

Tính chung 11 tháng, sản lượng thủy sản cả nước ước tính đạt 6.873,7 nghìn tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.688,9 nghìn tấn, tăng 6,9%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.184,8 nghìn tấn, tăng 5,3% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.997,3 nghìn tấn, tăng 5,6%)

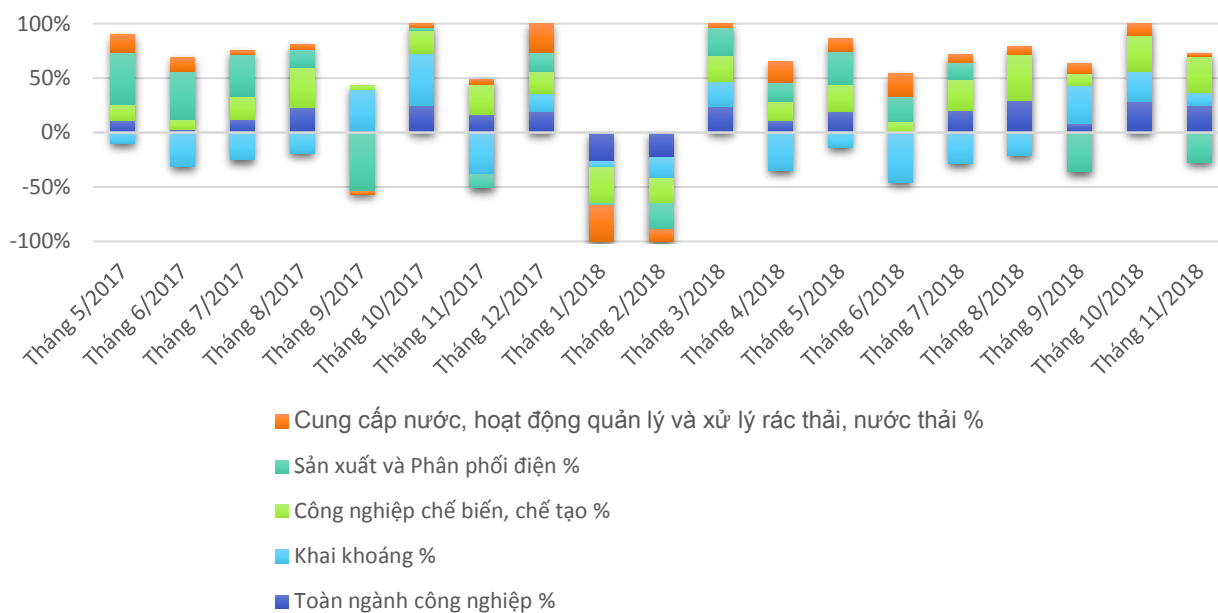
## 5. Sản xuất công nghiệp.

**Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng**



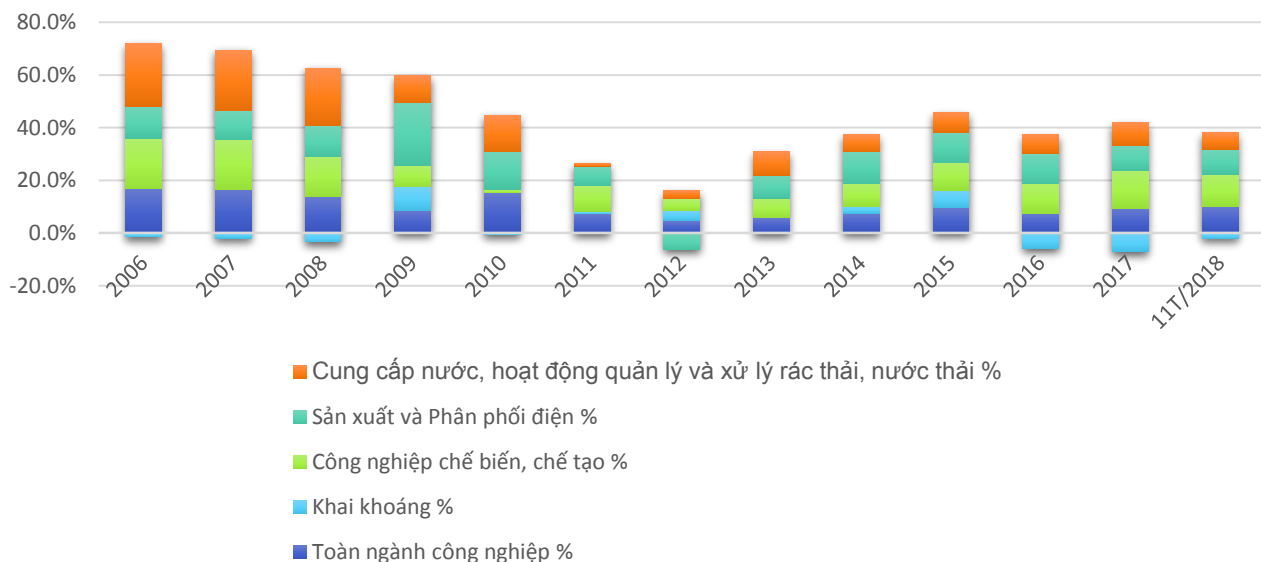
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Mười Một ước tính tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 0,2%; ngành chế biến, chế tạo tăng 11%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,5%.

## Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp



Tính chung 11 tháng năm 2018, IIP ước tính tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,3% của cùng kỳ năm 2017[2], trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,2%, đóng góp 9,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 2%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm mức tăng chung.

## Chỉ số công nghiệp theo năm

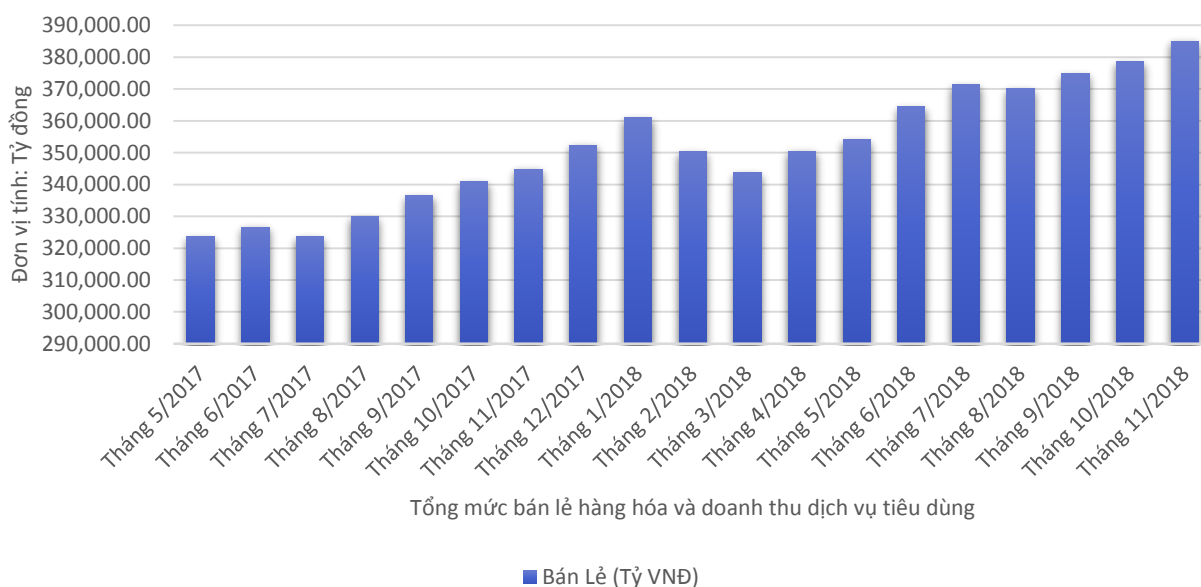


Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 11 tháng năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 51,8%; sắt, thép thô tăng 40,9%; ti vi tăng 23,9%; Alumin tăng 22,9%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 22,4%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 21,3%; thức ăn cho thủy sản tăng 17,5%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,5%; ô tô tăng 14,4%; đường kính tăng 14,3%; linh kiện điện thoại tăng 12,4%.

## 6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

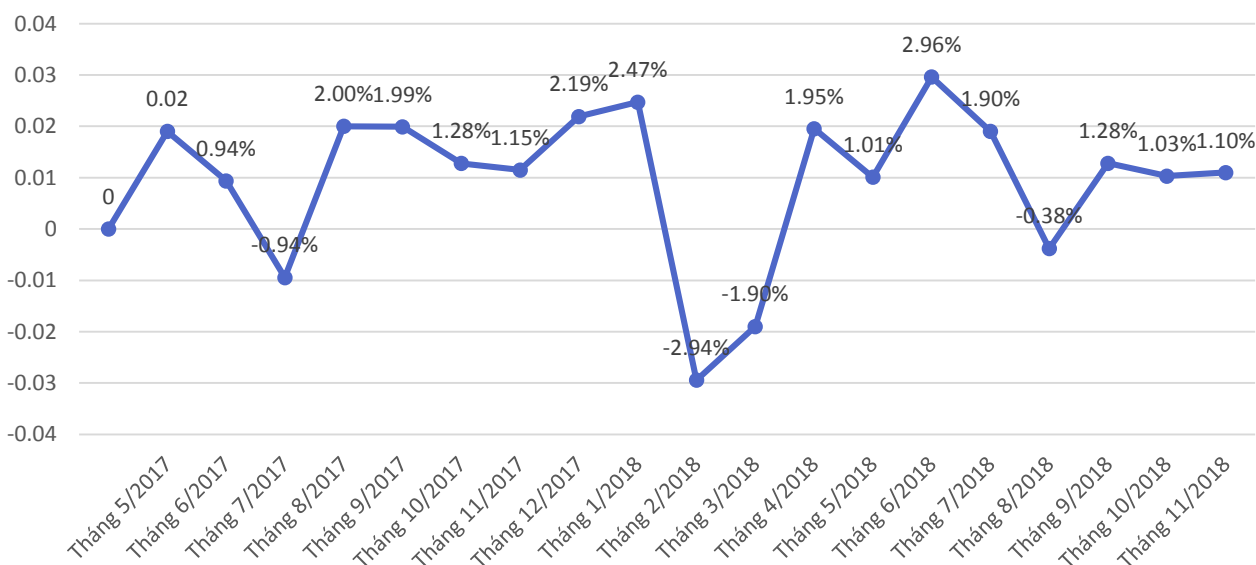
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười Một ước tính đạt 385 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 288,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% và tăng 13,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 47 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và tăng 8,2%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% và tăng 3%; doanh thu dịch vụ khác đạt 46 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% và tăng 11,7%.

### Doanh số bán lẻ hàng tháng



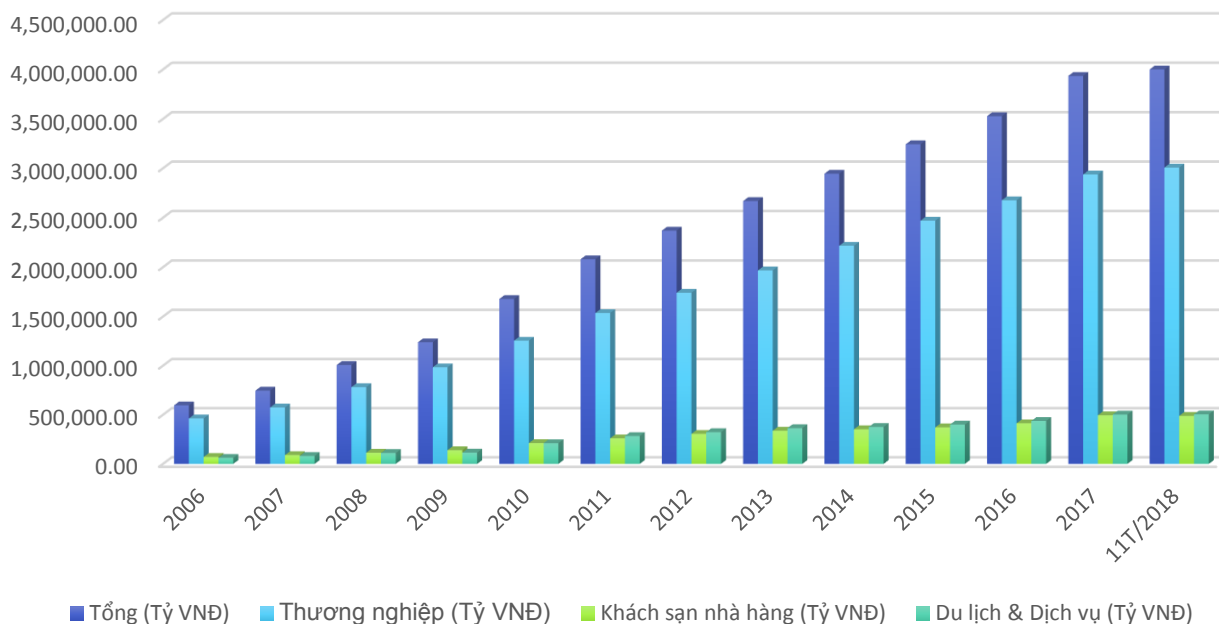
Tính chung 11 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 4.000,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,34% (cùng kỳ năm 2017 tăng 9,25%).

### Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng





## Bán lẻ Theo năm



Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 11 tháng năm nay ước tính đạt 3.007,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,2% tổng mức và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 11 tháng ước tính đạt 488,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,2% tổng mức và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành 11 tháng năm nay ước tính đạt 37 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác 11 tháng ước tính đạt 467,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,7% tổng mức và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2017.

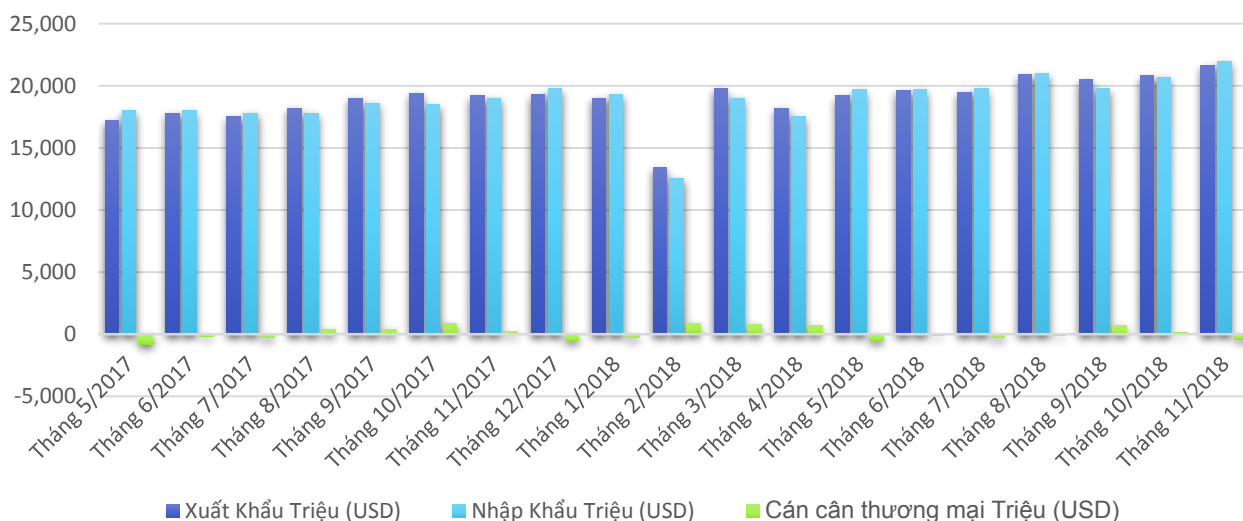
## 7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 10/2018 đạt 22.531 triệu USD, cao hơn 1.731 triệu USD so với số ước tính, trong đó điện thoại và linh kiện cao hơn 746 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 135 triệu USD; giày, dép cao hơn 132 triệu USD; sắt thép cao hơn 115 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 103 triệu USD; gỗ, sản phẩm gỗ và dầu thô cùng cao hơn 45 triệu USD; xăng dầu cao hơn 34 triệu USD; dệt may cao hơn 32 triệu USD; sản phẩm chất dẻo cao hơn 30 triệu USD.

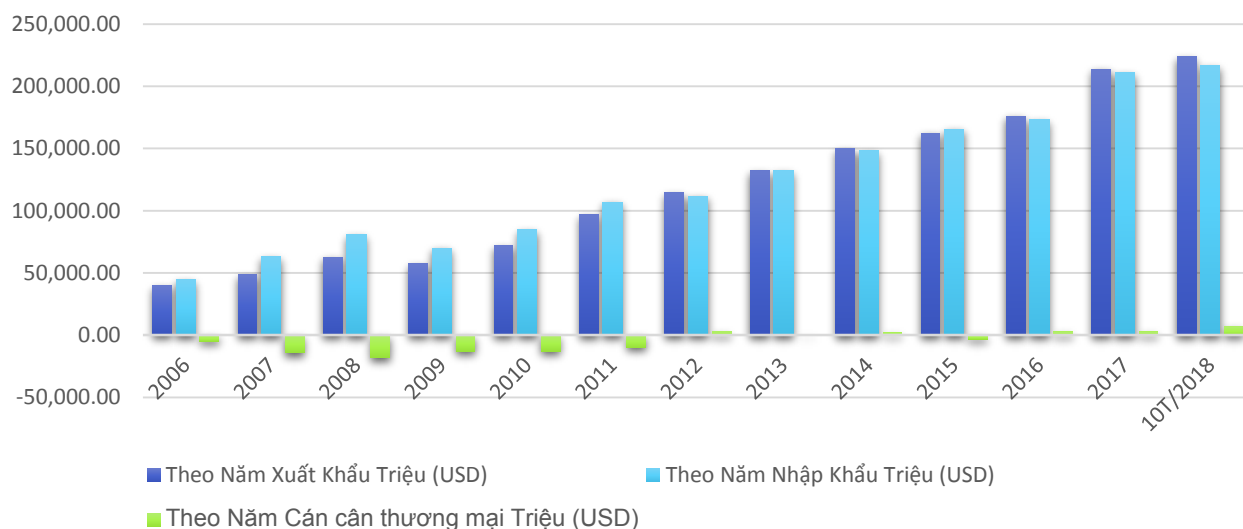
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Mười Một ước tính đạt 21,60 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,89 tỷ USD, giảm 4,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 15,71 tỷ USD, giảm 4%.

Tính chung 11 tháng năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 223,63 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 63,24 tỷ USD, tăng 17,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 160,39 tỷ USD (chiếm 71,7% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 13,4%.

## Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



## Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 10/2018 đạt 21.761 triệu USD, cao hơn 1.061 triệu USD so với ước tính, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 147 triệu USD; vải cao hơn 103 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 82 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 81 triệu USD; hóa chất cao hơn 67 triệu USD; lúa mì cao hơn 64 triệu USD; chất dẻo cao hơn 57 triệu USD; ô tô cao hơn 54 triệu USD; sắt thép cao hơn 36 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Mười Một ước tính đạt 22,0 tỷ USD, tăng 1,1% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 3,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13,2 tỷ USD, giảm nhẹ 0,2%.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 216,82 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 86,63 tỷ USD, tăng 12,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,19 tỷ USD, tăng 12,3%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Mười xuất siêu 770 triệu USD. Tháng Mười Một ước tính nhập siêu 400 triệu USD. Tính chung 11 tháng xuất siêu 6,8 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 23,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 30,2 tỷ USD.

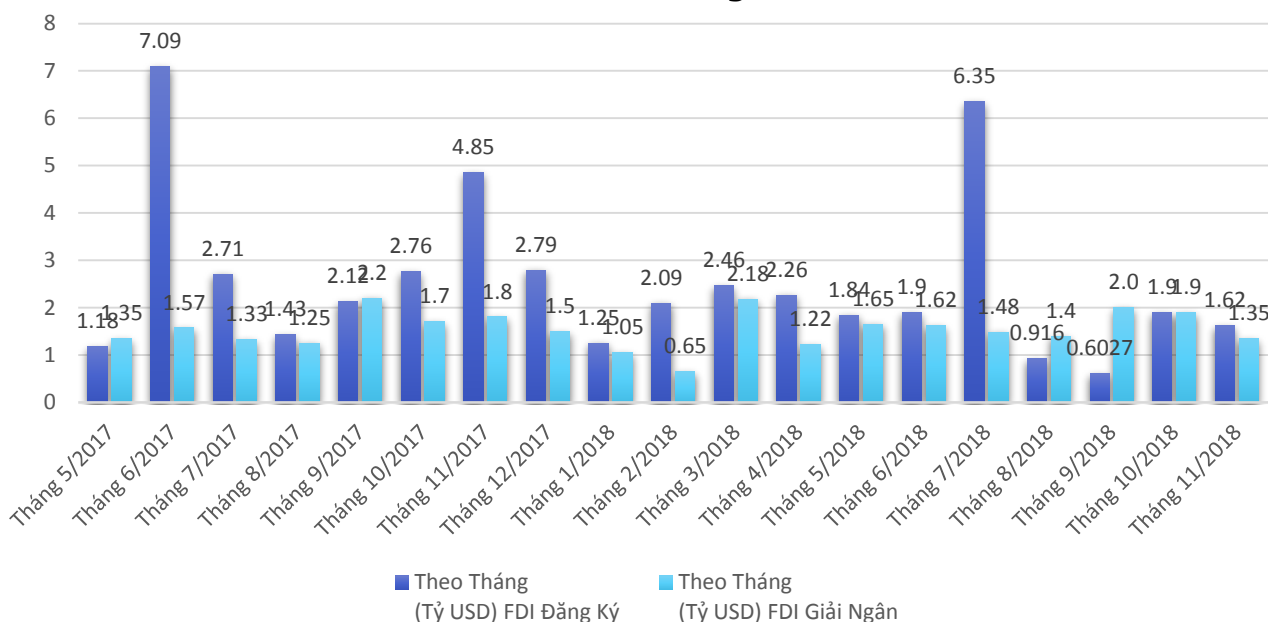
## 8. Đầu tư.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười Một ước tính đạt 36,7 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn trung ương 6,7 nghìn tỷ đồng, giảm 0,3%; vốn địa phương 30 nghìn tỷ đồng, tăng 19,6%.

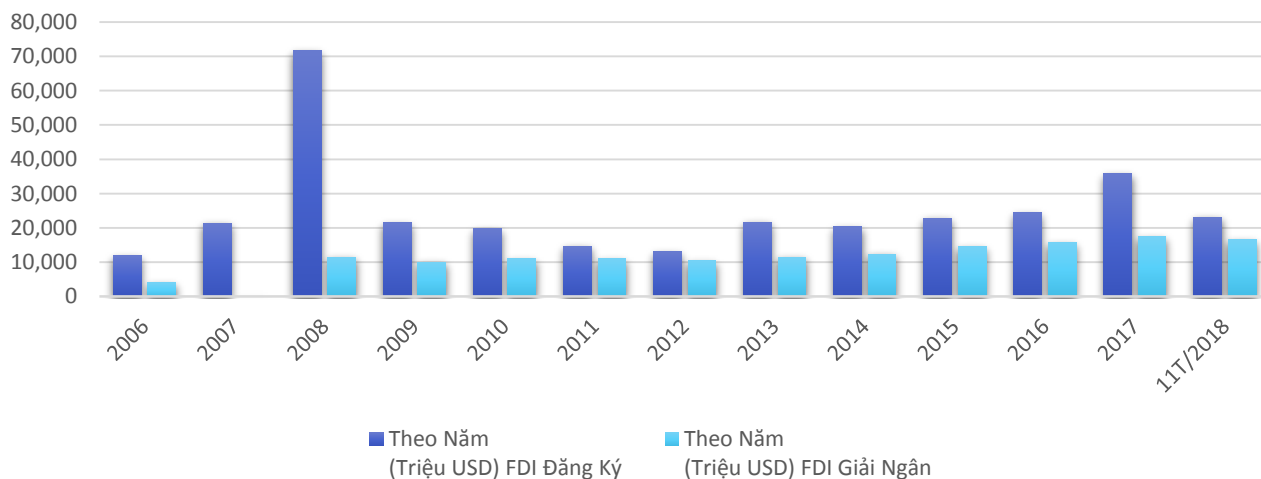
Tính chung 11 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 284,7 nghìn tỷ đồng, bằng 82,1% kế hoạch năm và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2017 bằng 82% và tăng 7,5%).

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/11/2018 thu hút 2.714 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15.788,4 triệu USD, tăng 18,4% về số dự án và giảm 20,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 1.059 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 7.403,3 triệu USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 11 tháng đạt 23.191,7 triệu USD, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2017.

### FDI Tháng



### FDI hàng năm



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 11 tháng năm nay ước tính đạt 16,5 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 11 tháng năm 2018 còn có 5.882 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng

giá trị góp vốn là 7,64 tỷ USD, tăng 44,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có 995 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 2,96 tỷ USD và 4.887 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 4,68 tỷ USD.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 11 tháng năm nay có 125 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 303,6 triệu USD; 30 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 54 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 11 tháng năm 2018 đạt 357,6 triệu USD.

## 9. Thu chi ngân sách nhà nước.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2018 ước tính đạt 1.160,1 nghìn tỷ đồng, bằng 87,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa 926,9 nghìn tỷ đồng, bằng 84,3%; thu từ đầu thô 54,3 nghìn tỷ đồng, bằng 151,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 174,9 nghìn tỷ đồng, bằng 97,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2018 ước tính đạt 1.166,2 nghìn tỷ đồng, bằng 76,6% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 806,8 nghìn tỷ đồng, bằng 85,8%; chi đầu tư phát triển 239,8 nghìn tỷ đồng, bằng 60%; chi trả nợ lãi 93,5 nghìn tỷ đồng, bằng 83,1%.

## 10. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Trong tháng Mười Một, cả nước có 11.637 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 118,4 nghìn tỷ đồng, giảm 10,5% về số doanh nghiệp và giảm 22% về số vốn đăng ký so với tháng trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 10,2 tỷ đồng, giảm 13,3%.

Tính chung 11 tháng, cả nước có 121.248 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.234,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,5% về số doanh nghiệp và tăng 9,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 4,1%.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 11 tháng năm 2018 là 83.108 doanh nghiệp, tăng 49,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 25.977 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 24,8% và 57.131 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 64%.

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 11 tháng năm 2018 là 14.861 doanh nghiệp, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 13.598 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,5% và tăng 37,3%.

## 11. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng Mười Một ước tính đạt 398,6 triệu lượt khách, tăng 1,1% so với tháng trước và 18,3 tỷ lượt khách.km, tăng 1,4%. Tính chung 11 tháng năm 2018, vận tải hành khách đạt 4.238,6 triệu lượt khách, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước và 189,6 tỷ lượt khách.km, tăng 11%.

Vận tải hàng hóa tháng Mười Một ước tính đạt 141,3 triệu tấn, tăng 1,2% so với tháng trước và 26,8 tỷ tấn.km, tăng 1%. Tính chung 11 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.491,7 triệu tấn, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước và 279,3 tỷ tấn.km, tăng 7,4%.

## 12. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười Một ước tính đạt 1.301,9 nghìn lượt người, tăng 8% so với tháng trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không tăng 8,6%; đến bằng đường bộ tăng 8%; riêng khách đến bằng đường biển giảm mạnh 53,2% do ảnh hưởng của cơn bão số 8 và số 9 trên biển Đông.

Tính chung 11 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 14.123,6 nghìn lượt người, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 11.397,3 nghìn lượt người, tăng 15,3%; đến bằng đường bộ đạt 2.521,9 nghìn lượt người, tăng 64,4%; đến bằng đường biển đạt 204,4 nghìn lượt người, giảm 11,3%.

## TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2018.

Tình hình kinh tế Việt Nam 11 tháng năm 2018 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, đặc biệt ở lĩnh vực sản xuất khi chỉ số Nhà quản trị Mua hàng PMI toàn phần lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã tăng từ mức 53,9 điểm của tháng 10 lên 56,5 điểm trong tháng 11, đứng đầu khu vực khu vực ASEAN. Ngoài ra tình hình kinh tế vĩ mô được giữ ở mức ổn định, lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 giảm 0,29% (mức giảm thấp nhất trong 9 năm)...

### **Điểm sáng kinh tế 11 tháng đầu năm 2018:**

- **Vốn đầu tư:** Tính chung 11 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 284,7 nghìn tỷ đồng, bằng 82,1% kế hoạch năm và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2017 bằng 82% và tăng 7,5%).
- **Về FDI:** Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/11/2018 thu hút 2.714 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15.788,4 triệu USD, tăng 18,4% về số dự án và giảm 20,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 11 tháng năm nay ước tính đạt 16,5 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017.
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp:** Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) vẫn tăng tốt 10.1% so với cùng kỳ năm trước (mặc dù đà tăng giảm so với tháng trước).
- **Về tiêu dùng:** Hoạt động thương mại dịch vụ tháng 11 tiếp tục xu hướng tăng khá, đạt 385 nghìn tỷ đồng, tăng 1.1% so với tháng trước và tăng 12.2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 11T/2018 ước tính đạt 4,000.1 nghìn tỷ đồng, tăng 11.5% so với cùng kỳ năm trước.
- **Xuất siêu:** Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư (6.8 tỷ USD). Tuy nhiên, xuất siêu hoàn toàn nhờ vào khu vực FDI (FDI xuất siêu 30.2 tỷ USD, trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 23.4 tỷ USD).
- **Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI):** PMI Việt Nam đã tăng từ mức 53,9 điểm của tháng 10 lên 56,5 điểm trong tháng 11, cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ của sức khỏe lĩnh vực sản xuất. Trong đó, lĩnh vực sản xuất hàng hóa tiêu dùng có kết quả hoạt động mạnh nhất trong số ba lĩnh vực thị trường được khảo sát, với sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tăng mạnh nhất. Với mức độ cải thiện nhanh hơn trong tháng 11, Việt Nam đứng ở vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng PMI khu vực ASEAN.
- **Doanh nghiệp:** Thành lập mới doanh nghiệp tiếp tục tăng mạnh. Trong 11 tháng có trên 121.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký tăng 9,1%; tổng vốn đăng ký mới và bổ sung đạt trên 3,4 triệu tỉ đồng.
- **Khách quốc tế:** Tính chung 11 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 14.123,6 nghìn lượt người, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước.
- **CPI tháng:** Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 giảm 0,29% (mức giảm thấp nhất trong 9 năm), bình quân tăng 3,59%.

### **Bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế còn đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt áp lực lên lãi suất liên ngân hàng, lãi suất huy động vốn, tỷ giá, lạm phát...**

- **Lạm phát cơ bản:** Lạm phát cơ bản tháng 11/2018 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,72% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng năm 2018 tăng 1,46% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.
- **Tỷ giá:** Tiếp tục xu hướng tăng nhẹ ở tỷ giá trung tâm do nhà nước công bố, nhưng biên độ biến động đã bình ổn hơn rất nhiều so với khoảng thời gian 3 tháng trước.
- **Lãi suất:** Tiếp tục có xu hướng tăng lên tháng thứ 2 liên tiếp ở lãi suất huy động, cũng như lãi suất liên ngân hàng. Lãi suất liên ngân hàng hiện tại đang đạt mức cao nhất trong năm 2018, mức 5,12%/năm trong kỳ hạn 3 tháng tại ngày 30/11/2018.
- **Thâm hụt NSNN:** Chênh lệch Thu – Chi NSNN trong biên độ hẹp so với cùng kỳ của nhiều năm gần đây và được thu hẹp so với 10T/2018, mặc dù vẫn ở trạng thái thâm hụt. Thâm hụt NSNN 6.1 nghìn tỷ đồng (10T/2018 thâm hụt 42.2 nghìn tỷ đồng).
- **Doanh nghiệp:** Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 11 tháng năm 2018 là 83.108 doanh nghiệp, tăng 49,3% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 11 tháng năm 2018 là 14.861 doanh nghiệp, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước.

## KẾT LUẬN:

Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô 11 tháng đầu năm của Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt mức 6,6-6,8%, lạm phát khoảng 4%. Trong khoảng thời gian 3 tháng trước, hai vấn đề nóng hổi nhất là biến động tỷ giá và tốc độ tăng CPI, thì trong tháng 10 & tháng 11 cả 2 vấn đề trên đều được chính phủ kiểm soát một cách chặt chẽ, thậm chí "Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 còn giảm 0,29% - Mức giảm thấp nhất trong 9 năm. Còn tỷ giá thì mức độ biến động là không nhiều, xu hướng tăng giá đã chững lại và đang có dấu hiệu giảm nhiệt, thể hiện ở tỷ giá giao dịch thực tế trên thị trường tháng 11 đã giảm nhẹ 0,12% so với tháng 10, dừng lại ở mức 23.317,5VND/USD vào ngày 30/11/2018.

Tuy nhiên, vấn đề đáng quan tâm trong tháng 11 là xu hướng tăng lãi suất huy động, cũng như lãi suất liên ngân hàng, và đây là tháng thứ 2 liên tiếp có chiều hướng gia tăng. Lãi suất liên ngân hàng hiện tại đang đạt mức cao nhất trong năm 2018, mức 5,12%/năm trong kỳ hạn 3 tháng tại ngày 30/11/2018. Nhu cầu thanh khoản cao vào thời điểm cuối năm; sự chuẩn bị cho việc giảm giới hạn tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn từ 45% hiện nay xuống 40% từ ngày 1/1/2019; và sự dịch chuyển nhu cầu tín dụng từ USD sang VND là những áp lực cơ bản khiến cho lãi suất huy động và lãi suất liên ngân hàng có mức tăng trong 2 tháng trở lại đây.

Ngoài các điểm trên thì cán cân thương mại xuất siêu trong những tháng gần đây, nhưng chủ yếu nhờ khu vực FDI - FDI xuất siêu 30.2 tỷ USD, trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 23.4 tỷ USD là điều chúng ta cũng đáng lưu ý.

**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:** [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**  
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglec@vn-cs.com](mailto:khanglec@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:**

**Đỗ Bảo Ngọc**  
Phó Tổng Giám Đốc & Giám Đốc Trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Nguyễn Đức Minh**  
Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [minhnd@vn-cs.com](mailto:minhnd@vn-cs.com)

**Trần Vũ Phương Liên**  
Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**  
Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**  
P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglec@vn-cs.com](mailto:khanglec@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hường**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

<b>Xếp hạng</b>	<b>Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại</b>
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

**TRỤ SỞ VNCS**  
Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099  
Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)